BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI
Số: 247/TB-ĐHKT-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Học kỳ phụ trong hè (Học kỳ III) năm học 2021-2022

Kính gửi: **- Các Khoa, Viện, Bộ môn;**
- Các phòng Tài chính-KT, CT-Công tác SV, TT-Khảo thí&ĐBCL, QTTB
- Các sinh viên thuộc Trường.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng nhu cầu của sinh viên, Nhà trường triển khai kế hoạch học Đợt 5 học kỳ III năm học 2021-2022 (Học kỳ phụ trong hè) từ tuần 46 đến tuần 52 (ngày 18/7/2022 đến 27/8/2022). Đề nghị các khoa, viện, bộ môn liên quan và sinh viên thực hiện theo kế hoạch sau:

1. Thời khóa biểu:

- Nhà trường căn cứ nhu cầu học kỳ III của các năm học trước và số liệu thống kê về số lượng sinh viên nợ học phần học kỳ II năm học 2021-2022 để thông báo Thời khóa biểu các học phần dự kiến mở lớp. Thời khóa biểu dự kiến được gửi kèm thông báo này tới các khoa, viện, bộ môn. Các đơn vị liên quan căn cứ Thời khóa biểu dự kiến để phân công giảng viên và chuyển danh sách về phòng Đào tạo trước ngày 02/7/2022.
- Sinh viên có nguyện vọng học các học phần không có trong kế hoạch nộp đơn xin mở lớp học phần tại Bộ phận một cửa trước ngày 02/7/2022.

2. Đăng ký học phần, rút bớt học phần đăng ký:

- Sinh viên có nguyện vọng học Học kì III thực hiện đăng ký học phần tại cổng thông tin tín chỉ từ ngày 05/7/2022 - 07/7/2022. Sau khi đăng ký thành công, sinh viên cần lưu lại Phiếu đăng ký để đối chiếu trong trường hợp cần thiết. Sinh viên chỉ đăng ký các học phần đã được thông báo điểm. Trường hợp sinh viên đăng ký học vượt phải tham khảo ý kiến của Cố vấn học tập trước khi đăng ký.
- Ngày 08/7/2022 phòng Đào tạo rà soát số lượng sinh viên đăng ký lớp tín chỉ và giữ lại các lớp dự kiến tổ chức, hủy lớp tín chỉ không đủ số lượng sinh viên đăng ký tối thiểu theo quy định. Sinh viên căn cứ Thời khóa biểu dự kiến lần 2 để thực hiện hủy học phần hoặc đăng ký bổ sung theo nguyện vọng cá nhân.
- Đăng ký bổ sung học phần hoặc đăng ký đổi sang học phần khác thay cho những học phần bị hủy lớp: trước ngày 15/7/2022, tại cổng thông tin tín chỉ.
- Rút bớt học phần đăng ký: sinh viên thực hiện hủy học phần đăng ký trước ngày 14/7/2022 tại cổng thông tin tín chỉ. Trường hợp sinh viên hủy không thành công trên cổng tín chỉ sinh viên có thể nộp đơn hủy học phần tại Bộ phận một cửa (tầng 1 nhà I).
- Thời hạn hủy học phần (*theo tất cả các hình thức*): sinh viên được phép hủy học phần trước ngày 14/7/2022. Sau thời gian trên các học phần sinh viên đã đăng ký sẽ được giữ nguyên.

3. Tổ chức lớp:

- Ngày 08/7/2022, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu dự kiến lần 2 (sau khi sinh viên đã đăng ký học phần). Thông báo Thời khóa biểu chính thức: ngày 15/7/2022.

- Nộp học phí: Sinh viên thực hiện nộp học phí theo một trong các hình thức sau:
  + Thanh toán học phí trực tuyến Online qua Website của Nhà trường;
  + Chuyển khoản qua Mã định danh;
  + Thời gian thu: từ ngày 18/7/2022 – 20/8/2022.
- Số lượng sinh viên tối thiểu để tổ chức lớp: học phần lý thuyết: 15 sinh viên; học phần đồ án: 10 sinh viên.
- Hình thức học: học trực tiếp
- Thời gian học: tuần 46 đến tuần 51 (ngày 18/7/2022 đến 26/8/2022).
- Thời gian thi: tuần 52 (ngày 29/8/2022 đến 03/9/2022).

Lưu ý:

- Từ sau ngày 14 tháng 7 năm 2022, sinh viên không được hủy học phần.Trường hợp sinh viên tự ý bỏ học và không nộp học phí, số tiền của các học phần đã đăng ký sẽ được tính vào học phí nợ của sinh viên và được truy thu vào đợt học tiếp theo.Trường hợp sinh viên đã nộp tiền mà không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học, sẽ phải nhận điểm F và không được rút học phí của học phần đã đăng ký.

- Cố vấn học tập chịu trách nhiệm nhắc nhở và đôn đốc sinh viên thực hiện đúng thông báo này.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PGS.TS. Vũ Hoàng Hiệp

THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN ĐỢT HỌC BỔ SUNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Thông báo số ..2147..... ngày 16 tháng 6 năm 22 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
1	XD3508	An toàn và môi trường lao động	2	XD3508_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
2	XD3108	Cơ đất nền móng	2	XD3108_LH1	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
3	XD3108	Cơ đất nền móng	2	XD3108_LH2	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T1-3)Thứ 6(T1-3)
4	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)
5	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 3(T1-3)Thứ 6(T1-3)
6	XD3104	Cơ học đất	3	XD3104_LH	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 4(T1-3)Thứ 7(T1-3)Thứ 6(T1-3)
7	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_LH1	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
8	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_LH2	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T7-9)Thứ 6(T7-9)
9	XD3202	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép P1	1	XD3202_LH	18/7	21/8		Thứ 4(T7-9)
10	POFR01	Đánh giá hệ thống đồ án 1	1	POFR01_LH	18/7	21/8		Thứ 4(T1-3)
11	XD3302	Đồ án Kết cấu thép P1	1	XD3302_LH	18/7	21/8		Thứ 7(T7-9)
12	XD3304	Đồ án Kết cấu thép P2	2	XD3304_LH	18/7	28/8		Thứ 4(T4-6)
13	XD3502	Đồ án Kỹ thuật thi công 1	1	XD3502_LH	18/7	21/8		Thứ 5(T7-9)
14	XD3503	Đồ án Kỹ thuật thi công 2	1	XD3503_LH	18/7	21/8		Thứ 2(T4-6)
15	XD3107	Đồ án Nền và móng	1	XD3107_LH	18/7	21/8		Thứ 4(T7-9)
16	CT4001	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	CT4001_LH	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T4-6)Thứ 4(T1-3)
17	GD4501	Giáo dục thể chất P1	1	GD4501_LH	18/7	21/8		Thứ 2(T4-6)
18	GD4502	Giáo dục thể chất P2	1	GD4502_LH	18/7	21/8		Thứ 4(T10-12)
19	GD4503	Giáo dục thể chất P3	1	GD4503_LH	18/7	21/8		Thứ 6(T4-6)
20	KT0101	Hình học hoạ hình	2	KT0101_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
21	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật	2	KT0101.1_LH1	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)
22	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật	2	KT0101.1_LH2	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
23	KT0102	Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật	2	KT0102_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 4(T1-3)Thứ 7(T1-3)
24	XD3201	Kết cấu bê tông cốt thép P1	3	XD3201_LH1	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)Thứ 4(T1-3)
25	XD3201	Kết cấu bê tông cốt thép P1	3	XD3201_LH2	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 3(T10-12)Thứ 7(T4-6)Thứ 6(T10-12)
26	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 4(T10-12)Thứ 7(T10-12)
27	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	2	CT3902.1_LH1	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
28	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	2	CT3902.1_LH2	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T1-3)Thứ 7(T1-3)
29	QL5009	Kinh tế đầu tư	3	QL5009_LH	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 4(T1-3)Thứ 7(T10-12)Thứ 6(T1-3)
30	KTHDT	Kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị	2	KTHDT_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 4(T4-6)Thứ 7(T4-6)
31	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH1	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T7-9)Thứ 5(T7-9)
32	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_LH2	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
33	LXDQH	Luật xây dựng và quy hoạch	2	LXDQH_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 4(T1-3)Thứ 7(T1-3)
34	LTTK	Lý thuyết thiết kế	2	LTTK_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)
35	XD3528	Máy xây dựng	2	XD3528_LH1	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T4-6)Thứ 5(T4-6)
36	XD3528	Máy xây dựng	2	XD3528_LH2	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
37	NNHH	Ngôn ngữ mô tả hình học	4	NNHH_LH	18/7 18/7 18/7	28/8 28/8 28/8		Thứ 4(T7-9)Thứ 7(T1-4)Thứ 6(T7-9)
38	QL4702	Pháp luật xây dựng	1	QL4702_LH	18/7	21/8		Thứ 4(T10-12)
39	DT2003	Quy hoạch giao thông đô thị	2	DT2003_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)
40	XD3001	Sức bền vật liệu 1	2	XD3001_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 3(T4-6)Thứ 6(T4-6)
41	XD3003	Sức bền vật liệu 2	3	XD3003_LH	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)Thứ 4(T10-12)
42	XD3509	Thi công công trình	2	XD3509_LH1	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 4(T4-6)Thứ 7(T1-3)
43	XD3509	Thi công công trình	2	XD3509_LH2	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 3(T7-9)Thứ 6(T7-9)
44	KTDK20	Thiết kế nhanh	2	KTDK20_LH	18/7 18/7	28/8 28/8		Thứ 4(T1-4)Thứ 7(T1-4)
45	DT2101	Thuỷ lực 1	2	DT2101_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 4(T1-3)Thứ 7(T4-6)
46	TH4408	Tin học ứng dụng	2	TH4408_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)
47	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_LH1	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 2(T10-12)Thứ 5(T10-12)Thứ 4(T10-12)
48	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_LH2	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 3(T1-3)Thứ 7(T4-6)Thứ 6(T1-3)
49	XD2828	Vật liệu xây dựng	3	XD2828_LH	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 4(T4-6)Thứ 7(T1-3)Thứ 6(T4-6)
50	TC2704	Vật lý đại cương	2	TC2704_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 3(T3-5)Thứ 6(T3-5)
51	DRW01	Vẽ 1	3	DRW01_LH	18/7 18/7 18/7	21/8 21/8 21/8		Thứ 2(T1-3)Thứ 5(T1-3)Thứ 4(T1-3)
52	TC2606	Xác suất thống kê	2	TC2606_LH	18/7 18/7	21/8 21/8		Thứ 4(T10-12)Thứ 7(T1-3)

Danh sách có 52 lớp học phần.